

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi thôn Thanh Long, xã Thanh Vân, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang (nay là xã Nghĩa Thuận, tỉnh Tuyên Quang)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phương Đông tại Văn bản số 93/CV-CTPĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 468/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi thôn Thanh Long, xã Nghĩa Thuận, tỉnh Tuyên Quang của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phương Đông (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại xã Nghĩa Thuận, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Thuận; Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phương Đông và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (02 bản chính);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (bản chính);
- Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phương Đông (nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Tuấn Anh).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

Phụ lục:**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ KHAI THÁC ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI MỎ ĐÁ VÔI THÔN THANH LONG, XÃ NGHĨA THUẬN, TỈNH TUYÊN QUANG***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)***1. Thông tin về dự án****1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi thôn Thanh Long, xã Nghĩa Thuận, tỉnh Tuyên Quang.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Nghĩa Thuận, tỉnh Tuyên Quang.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phương Đông.

1.2. Quy mô, công suất*a) Trữ lượng*Trữ lượng khai thác cấp 122: 342.693 m³ nguyên khối.*b) Quy mô công suất*

- Công suất khai thác: 15.000 m³ đá nguyên khối/năm.
- Công suất chế biến: 01 dây chuyền nghiền sàng công suất 30 tấn/giờ.

c) Tuổi thọ mỏ: 24 năm. Trong đó khoảng 1,5 năm xây dựng cơ bản, hoàn tất các thủ tục pháp lý và 22,5 năm khai thác.**1.3. Công nghệ sản xuất**

- Công nghệ khai thác: Sử dụng công nghệ khai thác đá bằng phương pháp khoan nổ mìn; khai thác theo lớp xiên. Đá sau khi khoan nổ được bốc xúc và vận chuyển trực tiếp bằng ô tô về khu vực chế biến.

- Công nghệ chế biến: Dây chuyền chế biến bằng hệ thống máy nghiền sàng công suất 30 tấn/giờ.

1.4. Phạm vi**1.4.1. Phạm vi diện tích dự án**

Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi thôn Thanh Long, xã Nghĩa Thuận, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích 3,8491ha, trong đó diện tích khai thác mỏ là 2,6371 ha; diện tích mặt bằng sản công nghiệp là 1,212 ha.

- Diện tích khu vực khai trường khai thác mỏ là 2,6371 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc, có tọa độ như sau:

STT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000; KTT 105°30', múi chiếu 3 ⁰ (tỉnh Hà Giang trước khi sáp nhập)		Hệ tọa độ VN 2000; KTT 106°00', múi chiếu 3 ⁰ (tỉnh Tuyên Quang)		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	

1	1	2553232	442336	2553516,93	391106,33	2,6371
2	2	2553214	442483	2553498,42	391253,29	
3	3	2553048	442483	2553332,41	391252,72	
4	4	2553073	442309	2553358	391078,79	

- Mặt bằng sân công nghiệp mỏ có diện tích 1,212 ha được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ như sau:

STT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000; KTT 105°30', múi chiếu 3° (tỉnh Hà Giang trước sát nhập)		Hệ tọa độ VN 2000; KTT 106°00', múi chiếu 3° (tỉnh Tuyên Quang)		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)	
1	A	2553223	442410	2553507,67	391180,31	1,212
2	B	2553329	442406	2553613,7	391176,67	
3	C	2553329	442470	2553613,48	391240,68	
4	D	2553340	442487	2553624,42	391257,72	
5	E	2553295	442526	2553579,28	391296,57	
6	F	2553224	442508	2553508,34	391278,32	
7	G	2553198	442483	2553482,42	391253,29	
8	2	2553214	442483	2553498,42	391253,29	

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.2.1. Các hạng mục công trình của dự án

- 01 trạm nghiền sàng đá công suất 30 tấn/giờ.
- 01 trạm cân.
- 01 kho vật liệu nổ diện tích 19 m².
- Tuyến đường lên khai trường mỏ dài 210,88m thuộc phạm vi diện tích mặt bằng sân công nghiệp.

1.4.2.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa và 01 hồ lắng (diện tích 90 m²).
- Hệ thống phun sương, dập bụi tại trạm nghiền sàng đá.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 01 bể tự hoại thể tích 16m³; bể xử lý 03 ngăn (kích thước: 4,5m x 1,6m x 1,2m).
- 01 cầu rửa xe tại lối ra của Dự án.
- 01 xe bồn tưới nước có dung tích bồn chứa 9,0m³.
- 01 bãi thải có dung tích chứa 6.600 m³.
- 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 11,88m².

1.4.2.3. Các hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường, bao gồm: Hoạt động khai thác, nghiền sàng chế biến đá và vận chuyển sản phẩm đến các công trình.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

Căn cứ theo khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026, Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Tuy nhiên, quá trình khai thác, chế biến đá của Dự án tiềm ẩn nguy cơ tác động đến một số đối tượng:

- Hoạt động khai thác, chế biến sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại Dự án, người dân tham gia giao thông trên tuyến đường liên xã Nghĩa Thuận, Tùng Vài. Xung quanh dự án chủ yếu là đồi núi, bụi phát sinh có thể ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của thảm thực vật khu vực.

- Dự án sử dụng tuyến đường liên xã Nghĩa Thuận, Tùng Vài trong quá trình vận chuyển sản phẩm của Dự án sẽ ảnh hưởng lớn đến chất lượng tuyến đường và môi trường sống của người dân hai bên tuyến đường, người tham gia giao thông trên tuyến đường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động thi công xây dựng: Xây dựng tuyến đường lên khai trường mở và tạo chân tuyến khai thác, san gạt mặt bằng khu vực sản công nghiệp (khu vực đặt trạm nghiền sàng và bãi chứa sản phẩm), nhà điều hành sản xuất và nhà ở công nhân, kho vật tư, kho chất thải nguy hại, nhà trạm cân, hồ lắng, kho chứa vật liệu nổ, bể xử lý nước thải...tác động đến môi trường không khí, nước, đất khu vực dự án.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, vận chuyển sản phẩm tác động đến môi trường không khí khu vực tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động của công nhân thi công: Nước thải và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động đến môi trường không khí, nước, đất khu vực dự án.

- Dự án đi vào vận hành hoạt động ổn định: Khoan nổ mìn khai thác, nghiền sàng đá; vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, sinh hoạt của công nhân tại mỏ gây tác động đến môi trường không khí, nước, đất, hệ sinh thái và con người.

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Phát sinh bụi, khí thải, ồn, rung, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn do phá dỡ các công trình, chất thải nguy hại nếu không được thu gom, xử lý có khả năng tác động xấu đến môi trường khu vực.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng (xây dựng cơ bản mỏ)

3.1.1. Khí thải, nước thải

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

a) Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn.

b) Quy mô, khối lượng phát thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng 1,0 m³/ngày, có thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

- Nước thải thi công xây dựng khoảng 1,0 m³/ngày chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng khoảng 5.908 m³/ngày.đêm; thành phần nước mưa chủ yếu cuốn theo chất rắn lơ lửng, đất, cát.

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải

a) Nguồn phát sinh

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình san ủi mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên, nhiên vật liệu, đất đá thải, phế thải xây dựng và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.

b) Quy mô, tính chất bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển phế liệu, nguyên vật liệu chứa các chất ô nhiễm là SO_x, NO_x, CO, HC và bụi.

- Bụi phát sinh từ hoạt động đào nền, đắp nền trong quá trình thi công.

- Bụi phát sinh do hoạt động nổ mìn gồm các thành phần là bụi, CO, NO, NO₂, CO₂.

- Khí thải từ hoạt động của các máy móc, thiết bị tham gia thi công sẽ làm phát sinh: NO_x, SO₂, CO, bụi.

- Bụi phát sinh từ hoạt động đổ đất đá vào bãi tập kết, bãi thải.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.1.2.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng cơ bản.

- Khối lượng khoảng 3,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại bao bì, giấy, vỏ chai lọ thải bỏ, thức ăn thừa.

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, tính chất của CTR công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn xây dựng từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án: 100kg cho cả giai đoạn thi công xây dựng.

- Sinh khối phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 21,6 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cỏ dại, cây bụi, cành, lá cây.

- Đất đá dư thừa: 63.760 m³ cho cả giai đoạn thi công xây dựng cơ bản, trong đó 60.760 m³ đá, 3.000 m³ đất.

3.1.2.3. Nguồn phát sinh, tính chất của chất thải nguy hại

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 85 kg cho cả giai đoạn thi công xây dựng.
- Thành phần gồm: Bao bì chứa vật liệu nổ; dầu mỡ thải; các loại thùng đựng dầu nhớt, vỏ chai đựng dầu nhớt và giẻ lau dầu mỡ trong quá trình sửa chữa máy móc, bóng đèn hỏng...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện vận chuyển và thi công (máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải,...).
- Độ rung trong quá trình thi công chủ yếu từ hoạt động của các loại máy móc lớn thi công san lấp, lu lèn, vận chuyển nguyên, vật liệu.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến thảm thực vật, cảnh quan, sinh thái tự nhiên,...
- Tác động đến an toàn giao thông, cảnh quan môi trường, an toàn lao động, kinh tế - xã hội, hệ sinh thái, đa dạng sinh học.
- Tác động do đá văng, chấn động và sóng va đập không khí khi nổ mìn trong khai thác.
- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra như sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố sạt lở bờ moong, đá văng.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại mỏ khoảng 1,3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform,...

b) Nước thải từ hoạt động rửa xe có chứa nhiều bùn đất và dầu mỡ có lưu lượng khoảng 1,5m³/ngày được tuần hoàn, tái sử dụng.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng khoảng 5.908 m³/ngày.đêm; thành phần nước mưa chủ yếu cuốn theo chất rắn lơ lửng, đất, cát.

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình khoan, nổ mìn khai thác đá ở khoảng cách 50 m là 0,001 mg/m³.

- Bụi phát sinh từ quá trình nghiền, sàng đá: Bụi PM khoảng 81 g/giờ; PM₁₀ khoảng 36 g/giờ; PM_{2,5} khoảng 18 g/giờ.

- Bụi thải phát sinh từ quá trình bốc xúc, vận chuyển ở khoảng cách 100m là 0,29 mg/m³.

- Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.2.1. Nguồn phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại mỏ.

- Khối lượng phát sinh khoảng 4,81 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Các loại bao bì, giấy, vỏ chai lọ thải bỏ, thức ăn thừa.

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, tính chất của CTR công nghiệp thông thường

Đất thải của toàn bộ quá trình khai thác nằm trong ranh giới mỏ khoảng 3.000m³.

3.2.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Khối lượng phát sinh: Khoảng 85 kg/năm.
 - Thành phần gồm: dầu thải, giẻ lau, găng tay dính dầu, bóng đèn thải, hộp mực in, pin, bao bì thuốc nổ.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động khoan, nổ mìn; hoạt động nghiền sàng đá, hoạt động bốc xúc, vận chuyển đất san lấp và sản phẩm.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động do đá văng, chấn động và sóng va đập không khí khi nổ mìn trong khai thác.
 - Tác động đến hoạt động giao thông và chất lượng đường giao thông khu vực.
 - Tác động tới kinh tế, xã hội, văn hóa trong khu vực.
 - Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra như sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố sạt lở bờ moong, đá văng.

3.3. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ

Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường chủ yếu là các hoạt động cải tạo sườn tầng khu vực khai thác; tháo dỡ công trình, đổ đất, san gạt mặt bằng khu vực chế biến đá, bãi đổ thải; trồng cây phủ xanh. Thời gian thực hiện ngắn, tác động đến môi trường không đáng kể.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Sử dụng bể tự hoại 03 ngăn (16m³) để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt. Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ đưa về xử lý tại bể xử lý 03 ngăn, chứa các vật liệu lọc (cát, than hoạt tính, đá) và bèo tây, tổng dung tích 8,64m³. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột C) trước khi xả thải ra môi trường.

- Nước thải thi công: Nước thải thi công được thu gom về 01 hố lắng dung tích 270 m³ sau đó được tái sử dụng để phục vụ cho các hoạt động thi công của dự án (rửa xe, dập bụi công trường).

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước kích thước 0,8 x 0,4 x 0,4 (m) chảy về 01 hố lắng dung tích 270m³ để lắng cặn sau đó tận dụng rửa xe, dập bụi, tưới đường.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Tiếp tục sử dụng bể tự hoại 03 ngăn (16m³) để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt. Toàn bộ nước thải sau khi xử lý sơ bộ đưa về xử lý tại bể xử lý 03 ngăn, chứa các vật liệu lọc (cát, than hoạt tính, đá) và bèo tây, tổng dung tích 8,64m³. Nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột C) trước khi xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa được thu gom bằng hệ thống rãnh thoát nước kích thước 0,8 x 0,4 x 0,4 (m) chảy về 01 hố lắng 270m³ để lắng cặn, sau đó tận dụng rửa xe, đập bụi, tưới đường.

- Nước xịt rửa bánh xe: Xây dựng hố lắng cạnh khu vực cầu rửa xe để thu gom, xử lý sau đó tuần hoàn tái sử dụng rửa xe. Kích thước hố lắng: 4,53x1,64x1,25m.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiến hành tưới nước đập bụi tại tuyến đường giao thông nội mỏ và đường liên xã qua khu vực mỏ, tần suất tưới 2 - 4 lần/ngày. Sử dụng 1 xe chuyên dụng để phun nước đập bụi tại khu vực thi công; nguồn nước sử dụng từ hố lắng trong khu vực Dự án.

- Thùng xe được phủ bạt và không chở quá tải quy định để hạn chế bụi cuốn và đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các hộ dân hai bên tuyến đường liên xã qua khu vực dự án và người tham gia giao thông;

- Bố trí công nhân thường xuyên thu dọn và vệ sinh toàn bộ bề mặt bãi chế biến, để hạn chế bụi cuốn khi có gió hoặc bị cuốn trôi khi thời tiết khu vực có mưa;

- Tiến hành thu gom các loại đất đá rơi vãi từ quá trình vận chuyển trên tuyến đường liên xã đi Nghĩa Thuận, Tùng Vài.

- Trang bị khẩu trang chống bụi, găng tay, áo quần bảo hộ cho công nhân làm việc trên công trường;

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị thi công được tiến hành đăng kiểm theo định kỳ tại các trạm đăng kiểm và được chứng nhận, đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn và đảm bảo an toàn;

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các chi tiết máy bị hỏng hóc để hạn chế thấp nhất mức tiêu hao nhiên liệu, tức là hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Thường xuyên cải tạo và tu sửa tuyến đường giao thông nội mỏ, tuyến đường liên xã đi Tùng Vài, Nghĩa Thuận đoạn qua khu vực dự án (nếu do hoạt động của dự án gây ra).

- Để lại vành đai thực vật có sẵn tại những khu vực chưa tiến hành khai thác, bảo vệ diện tích cây xanh hiện có để ngăn bụi phát tán ra khu vực xung quanh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và các biện pháp đảm bảo môi trường không khí khu vực làm việc theo quy định hiện hành.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình phát quang thực vật

- Thực hiện phát quang tới đâu, dọn dẹp và xử lý tới đó.
- Thu gom chất thải đến nơi quy định và sử dụng bạt che phủ để tránh bụi phát tán.

b) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động khoan, nổ mìn

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn và chấn động trong quá trình nổ mìn;
- Sử dụng loại thuốc nổ có cân bằng ôxy = 0 như ANFO, AD1 công nghệ nổ mìn (sử dụng kíp vi sai) nhằm giảm thiểu việc phát sinh bụi khí độc khi nổ mìn.

c) Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xúc, vận chuyển

- Quy định bắt buộc phải phủ bạt kín thùng xe. Bạt che phải đảm bảo chất lượng, không bị rách và phải che phủ hoàn toàn phần vật liệu trên thùng xe, tránh để gió cuốn bay bụi hoặc làm rơi vãi vật liệu xuống đường.
- Không được chở quá tải hoặc chất vật liệu cao hơn thành thùng xe.
- Rửa xe tại khu vực cầu rửa xe tại khu vực cổng ra vào khu mỏ.
- Sử dụng xe bồn tưới nước dập bụi cho các tuyến đường vận chuyển nội bộ và tuyến đường liên xã đi Nghĩa Thuận, Tùng Vài đoạn qua dự án, với tần suất tối thiểu 2-4 lần/ngày (tăng cường vào những giờ nắng nóng, khô hanh hoặc khi mật độ xe cao).
- Ưu tiên rải cấp phối đá dăm tại các tuyến đường nội mỏ để giảm lượng bụi đất mịn.
- Thường xuyên thu gom đất đá bị rơi vãi trên mặt đường.
- Quy định tốc độ tối đa cho xe vận chuyển (thường dưới 20 km/h trên đường nội bộ và dưới 5 km/h khi đi qua trạm rửa xe).
- Điều phối thời gian xe ra vào hợp lý, tránh tình trạng nhiều xe nối đuôi nhau tạo thành các dải bụi liên tục khó tán xạ.
- Chỉ sử dụng các xe vận chuyển còn hạn kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

d) Biện pháp giảm thiểu bụi từ hoạt động nghiền sàng

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi phát tán từ trạm nghiền sàng đá bằng hệ thống dàn phun sương, dập bụi tại các vị trí: Khu vực cấp liệu, đầu máy đập hàm, nghiền côn, sàng rung phân loại, đầu rót.
- Thông số kỹ thuật của dàn phun sương, dập bụi:
 - + Màn sương tạo ra dạng hình nón.
 - + Chiều xa phun sương tối đa 5m.
 - + Đường kính tối đa của nón màn sương là 3m.
 - + Lưu lượng nước từ 3,5 ÷ 5 lít/phút.

+ Áp suất khí $2,5 \div 3at$.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí và các biện pháp đảm bảo môi trường không khí khu vực làm việc theo quy định hiện hành.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý CTR, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn chuẩn bị thi công xây dựng

a) Đối với chất thải rắn xây dựng

- Đối với các loại có thể tái sinh, tái sử dụng như vụn sắt thép... sẽ được thu gom, tái sử dụng hoặc bán phế liệu. Lượng chất thải này sẽ được tập trung trong kho chứa dầu và CTNH. Kết thúc quá trình lắp đặt sẽ được bán phế liệu.

- Các thành phần còn lại gồm xà bần được tập trung tại khu vực chứa chất thải tạm thời trên công trường. Sau khi thi công hoàn tất đơn vị thi công sẽ dọn sạch, trả lại nguyên trạng mặt bằng khu vực, hạn chế các tác động xấu đến môi trường và vận chuyển đổ thải về bãi thải.

b) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Thực hiện phân loại, thu gom, xử lý phân loại tại nguồn như sau:

- Đối với chất thải rắn có thể tái chế được như giấy, bìa, chai, lọ,... sẽ được thu gom để bán cho cơ sở thu mua phế liệu nhằm giảm lượng rác thải phải xử lý.

- Đối với chất thải hữu cơ bao gồm rau, củ, cơm, canh thừa,... sẽ được thu gom cho người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

- Đối với các chất thải rắn không thể tái chế, tận dụng được sẽ được thu gom vào các thùng rác bằng nhựa 20-50 lít sau đó được vận chuyển đến bãi rác của địa phương để xử lý.

d) Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Khối lượng đá dư thừa phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ (*khối lượng 63.760 m³*), trong đó 60.760 m³ đá được tập kết tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp. Khối lượng đá này sẽ được chủ đầu tư dự án làm các thủ tục để xin cấp phép thu hồi khoáng sản theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản. Khoảng 3.000 m³ đất đá phong hóa đưa về đổ thải tại bãi thải diện tích 1.000m² trong diện tích khai trường để tận dụng cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

Đối với các loại CTR xây dựng như vỏ bao bì xi măng, sắt thép vụn, gạch đá vỡ,... tái sử dụng, tái chế lại, hoặc bán cho đơn vị thu mua.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Tiếp tục thực hiện phân loại, thu gom, xử lý phân loại tại nguồn như sau:

- Đối với chất thải rắn có thể tái chế được như giấy, bìa, chai, lọ,... sẽ được thu gom để bán cho cơ sở thu mua phế liệu nhằm giảm lượng rác thải phải xử lý.

- Đối với chất thải hữu cơ bao gồm rau, củ, com, canh thừa,... sẽ được thu gom cho người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

- Đối với các chất thải rắn không thể tái chế, tận dụng được sẽ được thu gom vào các thùng rác bằng nhựa 20-50 lít sau đó được vận chuyển đến bãi rác của địa phương để xử lý.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Các loại đất đá rơi vãi từ quá trình vận chuyển, bốc xúc khu vực khai trường, hàng ngày sẽ được thu gom và vận chuyển đến khu vực trạm nghiền sàng để tiếp tục quá trình chế biến.

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại, bể xử lý nước thải, Chủ đầu tư dự án tiến hành thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý định kỳ.

- Đối với bùn thải nạo vét từ hệ thống thu gom nước mưa và hố lắng, định kỳ 6 tháng/lần hoặc trước mùa mưa tiến hành nạo vét, tập kết tại bãi thải trong khai trường mở và sử dụng vào quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổng khối lượng đất phủ cần đổ thải là 3.000m³ (nằm trong ranh giới khai trường). Khối lượng này sẽ được đổ thải tại bãi thải của dự án. Vị trí đổ thải nằm trên diện tích khai trường mở, có diện tích đổ thải 1.000 m², dung tích chứa khoảng 6.600 m³.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Thực hiện thu gom, phân loại CTNH theo chủng loại trong các thùng chứa chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

- Thu gom về lưu chứa trong 04 thùng chứa CTNH có nắp đậy 200 lít; Các chất thải sau khi thu gom theo từng loại được đưa về kho chứa CTNH có diện tích 11,88 m² theo đúng quy định về kho chứa chất thải nguy hại. Ngoài cửa kho CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy.

- Ký hợp đồng chuyên giao các loại chất thải nguy hại phát sinh cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Quy định áp dụng: Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT) .

4.2.2.1. Giai đoạn vận hành

- Thực hiện thu gom, phân loại CTNH theo chủng loại trong các thùng chứa chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

- Thu gom về lưu chứa trong 04 thùng chứa CTNH có nắp đậy 200 lít; Các chất thải sau khi thu gom theo từng loại được đưa về kho chứa CTNH có diện tích 11,88 m² theo đúng quy định về kho chứa chất thải nguy hại. Ngoài cửa kho CTNH được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy.

- Ký hợp đồng chuyển giao các loại chất thải nguy hại phát sinh cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Quy định áp dụng: Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP*), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (*được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT*).

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng do độ rung: Tuân thủ yêu cầu nổ mìn, khoảng cách nổ mìn theo quy chuẩn. Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống nghiền sàng.

- Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng do tiếng ồn:

+ Tuân thủ yêu cầu nổ mìn, khoảng cách nổ mìn theo quy chuẩn.

+ Sử dụng các phương tiện, thiết bị vận chuyển có chất lượng tốt, chở đúng trọng tải và được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên.

+ Bảo dưỡng thiết bị và phương tiện vận chuyển thường xuyên để hạn chế tối đa tiếng ồn phát sinh.

+ Hạn chế thi công vào giờ nghỉ ngơi của người dân.

+ Công nhân làm việc trong môi trường phát sinh tiếng ồn sẽ được trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ như mũ che tai hay nút bịt tai.

+ Kiểm tra mức ồn của thiết bị, nếu mức ồn lớn hơn giới hạn cho phép thì lắp các thiết bị giảm âm.

+ Trồng cây xanh xung quanh khu vực mỏ.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.4.1.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

Thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ.

a) Cải tạo khu vực khai trường (bao gồm bãi thải nằm trong diện tích khai trường)

- *Gia cố sườn tầng*: Trong quá trình khai thác, sau khi kết thúc mỗi tầng khai thác đã đảm bảo đưa mỏ về trạng thái an toàn. Vì vậy, sau mỗi tầng kết thúc khai thác, Chủ đầu tư dự án sẽ tiếp tục kiểm tra, cạy bẫy các khối đá bị om, nứt có nguy cơ rơi, lăn xuống dưới đảm bảo thoát nước các tầng và đưa về trạng thái an toàn. Với chiều dày lớp đá cần đục đẽo, cạy bẫy để cải tạo sườn tầng lấy trung bình 0,1 m.

- *Nạo vét rãnh thoát nước chân tầng*: Khối lượng nạo vét là 267,12 m³. Bùn nạo vét được tận dụng để vun gốc trồng cây.

- *Cải tạo khu vực đáy moong kết thúc khai thác*:

Diện tích khu vực đáy moong kết thúc khai thác có diện tích đo vẽ trên bản đồ là 15.234 m². Đáy khu vực đáy moong kết thúc được san đất dày 0,5m và đào hố 0,5x0,5x0,5m và trồng cây trên toàn bộ diện tích theo từng năm kết thúc khai thác. Khối lượng đất cần san gạt khoảng 7.617 m³.

Đào hố trồng cây: Trồng cây thông với mật độ: 2.500 cây/ha.

b) Cải tạo khu vực mặt bằng sân công nghiệp và phụ trợ

- *Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị không còn mục đích sử dụng*: Đường điện, nhà quản lý vận hành, nhà nghỉ công nhân, trạm biến áp, cầu rửa xe, trạm cân, trạm nghiền, kho vật tư, kho chất thải nguy hại, ...

- *Phủ đất màu*: Mặt bằng khu vực sau khi tháo dỡ công trình trên bề mặt Công ty bổ sung đất phủ chiều dày 0,5 m để phục vụ công tác trồng cây, phục hồi cảnh quan môi trường.

- *Trồng cây xanh*: Trồng cây toàn bộ diện tích khu vực văn phòng, khu các công trình phụ trợ là 1,212 ha. Tiến hành đào hố sau đó trồng cây thông trên toàn diện 1,212 ha, với mật độ trồng 2.500 cây/ha.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý chất thải trong quá trình cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

4.4.1.2. Dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường: 2.485.128.374 đồng.

- Số lần ký quỹ: 24 lần (theo thời gian dự kiến khai thác mỏ).

- Số tiền ký quỹ lần đầu (15%): 372.769.256 đồng.

- Số tiền ký quỹ những năm tiếp theo: 91.841.701 đồng (chưa bao gồm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu tiên được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ. Từ lần thứ hai trở đi, thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tuyên Quang.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, trồng rừng thay thế theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4.4.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ moong, đá văng

- Tuân thủ đúng phương án khai thác đã được phê duyệt.
- Đảm bảo góc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, chiều cao tầng khai thác, chiều cao tầng kết thúc theo đúng quy định tại Quy phạm khai thác lộ thiên và thiết kế cơ sở đã được duyệt.

- Cử cán bộ kỹ thuật khai thác, trắc địa khai trường thường xuyên theo dõi trạng thái ổn định của tầng mái dốc và độ ổn định của các tuyến bờ bao xung quanh khu vực khai trường để có các biện pháp phòng ngừa sự sụt lở bất ngờ, đặc biệt là trong mùa mưa lũ.

- Tại khu khai thác, các tầng đá cứng, đảm bảo góc nghiêng không quá 70⁰, đảm bảo khi chịu dư chấn của nổ mìn hay các máy móc tại khu khai trường và đặc biệt là lũ quét vào mùa mưa không gây sạt lở trong khu vực khai trường.

- Khai thác đến đâu thì bóc phủ đến đó, đảm bảo lớp phủ thực vật để chống xói mòn, trượt lở.

- Khi có sự cố xảy ra lập tức dừng các hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung lao động và các thiết bị cần thiết để ứng phó sự cố. Di dời lao động và các trang thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

- Tuân thủ các quy định về nổ mìn để hạn chế các chấn động có khả năng gây sạt lở bờ mỏ trong khai thác.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Tổ chức tuyên truyền, huấn luyện cho công nhân về các quy tắc an toàn trong lao động và an toàn khi tham gia giao thông.

- Xây dựng bảng nội quy an toàn lao động, trình tự khai thác, đồng thời yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm nội quy đã đề ra.

- Lắp đặt các biển báo tại khu vực khai thác.

- Thường xuyên kiểm tra các điều kiện làm việc, đường vận chuyển, bờ mỏ và các yếu tố khác.

- Nổ mìn theo đúng giờ quy định. Trong thời gian nổ mìn, tuyệt đối sẽ nghiêm cấm người không có phận sự ra vào khu vực nguy hiểm.

c) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tại kho chứa VLNCN

- Luôn đảm bảo kho chứa vật liệu nổ công nghiệp theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

- Thực hiện phương án đảm bảo an toàn lao động, biện pháp xử lý và phối hợp với chính quyền địa phương trong các trường hợp có sự cố, người xâm nhập trái phép và các trường hợp khẩn cấp khác. Thực hiện đăng ký đầy đủ danh sách người làm việc liên quan đến VLNCN với cơ quan Công an địa phương.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát chất lượng môi trường không khí, giám sát tiếng ồn, độ rung; giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; giám sát rủi ro, sự cố từ các hoạt động của dự án. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Phương Đông chịu trách nhiệm:

6.1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tại bãi thải, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

6.3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án, trong đó:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT (cột C) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm chất lượng môi trường xung quanh mô đáp ứng QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- Tuân thủ QCVN 01:2019/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

6.4. Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

6.5. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công, khai thác mỏ phù hợp để hạn chế tối đa các tác động tiêu cực tới cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực trong quá trình hoạt động Dự án. Chỉ sử dụng phương tiện vận tải có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường giao thông theo quy định; chủ động phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông công cộng bị xuống cấp, hư hỏng do hoạt động vận chuyển của Dự án. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

6.6. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê trữ lượng, khối lượng khoáng sản theo đúng quy định tại Điều 59 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

6.7. Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo tới công nhân và dân cư xung quanh thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có rủi ro cao khác. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát rung chấn trong quá trình nổ mìn, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

6.8. Xây dựng, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố môi trường về chất thải cấp cơ sở của dự án, công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, tổ chức diễn tập ứng phó sự cố môi trường; tổ chức ứng phó sự cố môi trường, thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 108, 109, 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP), Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

6.9. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để bảo đảm an ninh, trật tự; phối hợp với các tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

6.10. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng, địa chất và khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.11. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

6.12. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.